Unit 4. Did you go to the party?

SPEAKING

1.

Act as.....	*Linda:*	*Phong:*	*Mai:*	*Tony:*



2.

Act as.....	*Linda:*	*Phong:*
Phong:	Did you go to the zoo yesterday, Linda?	
Linda:	No, I didn't.	
Phong:	Did you stay at home?	
Linda:	Yes, I did.	

LIVEWORKSHEETS

3.

Act as.....	***Mai:***	***Phong:***
Phong:	Were you at sports festival, Mai?	
Mai:	Oh, yes.	
Phong:	Did you enjoy it?	
Mai:	No, I didn't. It was so crowded.	

4.

Act as.....	***Tony:***	***Mai:***
Mai:	Did you stay at home yesterday, Tony?	
Tony:	No, I didn't.	
Mai:	Where did you go?	
Tony:	I went to visit my grandparents.	



LIVEWORKSHEETS

5.

Act as.....	***Peter:***	***Quan:***



6.

Act as.....	***Nam:***	***Linda:***
Linda:	Where were you yesterday, Nam?	
Nam:	I was at school.	
Linda:	What did you do there?	
Nam:	We had a sports festival.	

LIVEWORKSHEETS

7.

Act as.....	***Mai:*** ***Linda:***
Linda:	Did you join Sports Day, Mai?
Mai:	No, I didn't. I went to the book fair.
Linda:	Did you buy anything?
Mai:	Yes, I bought some comic books.

8.

Act as.....	***Phong:*** ***Linda:***
Linda:	Where were you yesterday, Phong?
Phong:	I was at Peter's birthday Party.
Linda:	What did you do there?
Phong:	We sang, danced and enjoyed the food and drink.
Linda:	Sounds great!

9.

My name is Nam . It was my birthday last Sunday. I invited some of my classmates to the party. They gave me presents like comic books, robots and a teddy bear. We ate cakes, sweets, fruit and ice cream. We drank fruit juice. We sang English and Vietnamese songs. We danced, too. Phong played the guitar and Linda played the piano. The party ended at 7 p.m. We enjoyed it very much.

LIVEWORKSHEETS

***Q&A:**

1) When was Nam's birthday party?

➔ It was last Sunday.

2) Who went to Nam's birthday party?

➔ Some of his classmates went to the party.

3) What did Phong do at the party?

➔ He played the guitar.

4) What did Linda do at the party?

➔ She played the piano.

10.

Act as.....	***B:*** ***A:***
A:	When was Linda's birthday party?
B:	It was last Monday.
A:	Did you go to the party?
B:	Yes, I did.
A:	Did she invite her classmates?
B:	Yes, she did.
A:	What did you do at the party?
B:	First, we gave her presents. Then we took photographs and ate cake. In the end, we played a lot of games.
A:	That sounds great!

LIVEWORKSHEETS

11.

My name's Nam. Last Saturday, there was a book fair near my school. Phong and I went there. We met a lot of our classmates. First, we visited the bookstall to look at the books. Then we bought some books. I like comics, so I bought Doraemon and Sailor Moon. Phong likes detective stories, so he bought Case Closed and Sherlock Holmes. We also took a lot of photographs with famous writers. Finally, we returned home at half past four in the afternoon. We enjoyed the book fair very much.

NOTE

- sth - something - cái gì đó - sb - somebody - ai đó	
1	
• S + am/are/is + Ving	Ai đó đang/sẽ làm gì đó
• Nam's birthday party	tiệc sinh nhật của Nam
• think → thought	(V → V2) nghĩ, suy nhĩ
• How about you?	Thế còn bạn thì sao?
• have → had	(V → V2) có, hưởng, bị
• have a lot of fun	rất vui
2	
• yesterday	hôm qua
3	
• sports	thể thao

LIVEWORKSHEETS

• festival	đại hội, lễ hội
• sports festival	đại hội thể thao
• so	rất, lắm
• crowded	đông, đông đúc
4	
• my	của tôi
• grandparents	ông bà
5	
• anything	bất cứ thứ gì
• else	khác (đứng sau anything, what, anyone...)
• Did you do anything else?	Bạn có làm bất cứ thứ gì khác nữa không?
• happily	một cách vui vẻ (dùng để bổ sung nghĩa cho động từ)
• have a good time	có một khoảng thời gian tuyệt vời
6	
• there	đó, ở đó
7	
• Sports Day	Đại hội Thể thao
• fair(s)	hội chợ
• book fair	hội chợ sách

LIVEWORKSHEETS

• comic book(s)	truyện tranh
• sound	nghe có vẻ
• Sounds great.	Nghe thật tuyệt vời.
8	
• buy → bought	(V → V2) mua
9	
• some	một vài, một số, một chút
• classmate(s)	bạn cùng lớp
• to	đến
• give → gave	(V → V2) tặng, cho, biếu
• I/me	tôi
• present(s)	quà, món quà
• like	như, ví dụ như
• robot(s)	người máy
• teddy bear(s)	gấu bông
• cake(s)	bánh kem
• sweet(s) = candy/candies	kẹo
• fruit	trái cây
• ice cream(s)	kem lạnh
• fruit juice	nước ép trái cây

LIVEWORKSHEETS

• song(s)	bài hát
• end → ended	(V → V2) kết thúc
• very much	rất nhiều

LIVEWORKSHEETS